

Số: 85/KH-ĐHSPTDTTHN

Hà Nội, ngày 4 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

V/v nâng bậc lương thường xuyên và hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung cho viên chức và người lao động quý 1 - năm 2022 (kể từ 01/01-31/3/2022)

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ các Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07/3/2012; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 08/TT-BNV, ngày 31/7/2013 của BNV về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội Vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập Giáo dục và Đào tạo;

Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện v/v xét nâng bậc lương thường xuyên và xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung quý 1 - năm 2022 cho viên chức và người lao động trong cơ quan như sau:

I. CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN:

1. Phạm vi và đối tượng:

- Viên chức trong cơ quan xếp lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ;

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đối tượng không áp dụng:

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Thông tư 08/2013/TT-BNV.

II. CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN:

1. Điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh:

a) Thời gian giữ bậc để xét nâng bậc lương thường xuyên:

- Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ từ cao đẳng trở lên: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 03 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương;

- Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 2 năm (đủ 24 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương.

b) Các trường hợp được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên gồm:

- Thời gian nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động;

- Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (trong thời gian giữ bậc) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước, ở nước ngoài (bao gồm cả thời gian đi theo chế độ phu nhân, phu quân theo quy định của Chính phủ) nhưng vẫn trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.

c) Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên

- Thời gian viên chức và người lao động tham gia phục vụ tại ngũ theo Luật Nghĩa vụ quân sự

- Thời gian nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động;

- Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (trong thời gian giữ bậc) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước, ở nước ngoài (bao gồm cả thời gian đi theo chế độ phu nhân, phu quân theo quy định của Chính phủ) nhưng vẫn trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.

2. Tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên:

Viên chức và người lao động có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh và qua đánh giá đạt đủ 02 tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương thì được nâng một bậc lương thường xuyên:

Đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh quy định tại Khoản 1 Điều này và qua đánh giá

b) Không thực hiện kéo dài thời gian xét nâng bậc lương đối với các hình thức kỷ luật do oan, sai;

c) Được truy lĩnh tiền lương, truy nộp bảo hiểm xã hội (bao gồm cả phần bảo hiểm xã hội do cơ quan, đơn vị đóng) theo các bậc lương đã được tính lại.

III. CHẾ ĐỘ HƯỞNG THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG.

Áp dụng cho tất cả viên chức và người lao động đã hết khung bậc lương thường xuyên trong bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ theo quy định, nếu có đủ thời gian và điều kiện, tiêu chuẩn quy định như viên chức và người lao động được xét nâng bậc lương thường xuyên thì được xét hưởng chế độ thâm niên vượt khung như sau:

- Lần đầu được hưởng 5%, từ năm sau trở đi nếu đủ thời gian là 12 tháng và đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xét hưởng cứ mỗi năm được cộng thêm 1%.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng TCCB&TT: Niêm yết danh sách VC, NLD đến thời hạn tăng lương thường xuyên và hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung quý 1 năm 2022.

2. Đối với cá nhân: Thuộc diện có đủ thời gian, điều kiện, tiêu chuẩn quy định v/v nâng bậc lương thường xuyên, hưởng vượt khung phải viết đơn (theo mẫu), khai thật đầy đủ, chính xác, trung thực tất cả nội dung trong đơn để kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ phòng TCCB&TT quản lý; phản ánh kịp thời với phòng TCCB&TT nếu trong danh sách niêm yết không có tên mình để phòng rà soát, giải quyết kịp thời.

3. Đối với các đơn vị:

- Tổ chức họp phổ biến thông báo tới toàn thể viên chức và người lao động về hướng dẫn nâng bậc lương quý 1 - năm 2022 của Trường đã gửi các đơn vị.

- Đối chiếu điều kiện, tiêu chuẩn để họp xét cho viên chức và người lao động của đơn vị mình với 2 diện đề nghị nâng bậc lương (nếu có) như sau:

2.1. Diện nâng bậc lương thường xuyên.

2.2. Diện hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung.

- Ghi biên bản tổng hợp kết quả cuộc họp xét đề nghị nâng bậc lương của đơn vị.

4. Thời gian triển khai:

4.1. Các đơn vị: Tổ chức họp triển khai từ ngày 04 - 11/3/2022. Chậm nhất 9h00 ngày 11/3/2022 nộp toàn bộ Hồ sơ xét nâng lương về phòng TCCB&TT để tổng hợp, gồm:

- Biên bản kết quả họp xét đề nghị nâng bậc lương của đơn vị;

- Đơn đề nghị nâng bậc lương của cá nhân.

4.2. Hội đồng xét nâng bậc lương của Trường:

Dự kiến từ ngày 14/3/2022

4.3. Niêm yết thông báo kết quả xét nâng bậc lương cho viên chức và người lao động và nhận đơn đề nghị (nếu có).

Dự kiến từ ngày: 15/3 - 22/3/2022.

4.4. Hoàn tất hồ sơ trình Hiệu trưởng ký quyết định.

Đề nghị các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch. Nếu không tổ chức họp triển khai, hoặc báo cáo chậm làm ảnh hưởng đến chế độ, quyền lợi của viên chức và người lao động phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Trong quá trình triển khai có gì chưa rõ gặp phòng TCCB&TT để giải quyết./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, BGH (để b/c);
- Chủ tịch CĐ Trường (để phối hợp);
- Các đơn vị (để t/h);
- Lưu: VT, TCCB&TT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Duy Quyết

G
H
A
T
H
A
O

TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Bậc năng bậc lương, phụ cấp TNVK hiện hưởng							Kết quả phân loại đánh giá viên chức, người lao động			
		Nam	Nữ		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc lương	Hệ số lương	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp	Chênh lệch hệ số lương, PC TNVK	Thời gian được tính hưởng	2018-2019	2019-2020	2020-2021		
I													DIỆN 3 NĂM - VIÊN CHỨC		
1	Phạm Thị Minh Đức		1979	DH	06.031	4	3,33		0,33		03/2019	HTT	HTT	HTT	
2	Nguyễn Thành Chung	1982		THS	V.07.01.03	4	3,33		0,33		01/2019	XS	XS	XS	
3	Đoàn Thanh Nam	1987		THS	V.07.01.03	4	3,33		0,33		01/2019	HTT	HTT	HTT	
4	Nguyễn Thị Hồng Phương		1984	THS	V.07.01.03	4	3,33		0,33		01/2019	HTT	XS	XS	
5	Vũ Thị Thu Hà		1987	THS	V.07.01.03	4	3,33		0,33		01/2019	HTT	HTT	XS	
6	Trần Chí Công	1986		THS	V.07.01.03	4	3,33		0,33		01/2019	HTT	HTT	HTT	
7	Trần Thị Nhu		1985	THS	V.07.01.03	4	3,33		0,33		01/2019	XS	XS	XS	
II													DIỆN 3 NĂM - NGƯỜI LAO ĐỘNG:		
8	Nguyễn Văn Tuyển	1986		TH.s	V.07.01.03	2	2,67		0,33		02/2019	HTT	HTT	HTT	
9	Vũ Thị Trang		1987	TH.s	V.07.01.03	2	2,67		0,33		02/2019	HTT	HTT	XS	
10	Nguyễn Văn Đại	1990		TH.s	V.07.01.03	2	2,67		0,33		02/2019	HTT	HTT	HTT	
11	Dinh Thị Uyên		1988	TH.s	V.07.01.03	2	2,67		0,33		02/2019	HTT	HTT	HTT	
12	Hoàng Thu Thủy		1989	TH.s	V.07.01.03	2	2,67		0,33		02/2019	HTT	HTT	HTT	
13	Hoàng Thị Nga		1980	DH	01.003	1	2,34		0,33		03/2018	HTT	HTT	HTT	
14	Phùng Xuân Trường	1988		TH.s	V.07.01.03	1	2,34		0,33		08/2018	HTT	HTT	HTT	
15	Mai Thiện Chí	1994		DH	V.07.01.03	1	2,34		0,33		01/2019	HTT	HTT	HTT	

Danh sách này có: 15 người